

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST
Ngày 25-7-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thi

Ông Vũ Văn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lại Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T; địa chỉ: Trung đoàn sư đoàn quân khu 3, khu, B, phường B, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị N; địa chỉ: Tổ dân phố 4, Thị trấn An Dương, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị Hoàng Thị NN kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn An Dương, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào năm 2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại khu chung cư Hoàng Huy, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống thời

gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, do anh làm việc xa nhà dẫn tới cuộc sống không có hạnh phúc. Bản thân anh đã tìm cách khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng hai bên không cải thiện được mà vợ chồng ngày càng mâu thuẫn nghiêm trọng hơn. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn nghiêm trọng hai bên sống ly thân không còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau nữa. Do tình cảm vợ chồng giữa hai bên không còn, mâu thuẫn vợ chồng nghiêm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống đoàn tụ với nhau, hôn nhân không có hạnh phúc, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N

Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung Nguyễn Hoàng Bảo U, sinh ngày 25/02/2010, Nguyễn Tiến M, sinh ngày 27/10/2016. Ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi 01 con chung. Nếu chị N yêu cầu nuôi cả hai con chung sau ly hôn anh đồng ý.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Anh và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải chị N trình bày:

Chị Nguyệt xác định lời trình bày của anh Nguyễn Văn T về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống của vợ chồng là đầy đủ, chính xác. Do tình cảm vợ chồng giữa hai bên không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, không thể hàn gắn đoàn tụ, sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Việc anh T xin ly hôn chị có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết đơn phương với anh T theo quy trình của Tòa án, chị không đồng ý ký đơn thuận tình ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung họ, tên, ngày, tháng, năm sinh con chung anh T trình bày là chính xác, ly hôn chị thống nhất với quan điểm của anh T đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị và anh T tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự: Xử cho anh Nguyễn Văn T

được ly hôn chị N. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hoàng Bảo U, sinh ngày 25/02/2010, Nguyễn Tiến M, sinh năm 27/10/2016 cho chị N nuôi dưỡng sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Anh Nguyễn Văn T khởi kiện xin ly hôn chị Hoàng Thị N có địa chỉ: Tổ dân phố, thị trấn A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T và chị Hoàng Thị N, anh T vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, chị N vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T và chị Hoàng Thị N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định lời khai của anh Nguyễn Văn T và chị N về thời gian kết hôn, quá trình chung sống giữa hai bên là đúng sự thật. Mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện ở việc trong quá trình chung sống hai bên va chạm bất hòa, sống ly thân, không còn quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn sự thương yêu, tôn trọng nhau trong cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không khắc phục được. Quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị N xác định tình cảm vợ chồng giữa hai bên không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn nghiêm trọng không thể khắc phục đoàn tụ. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N. Còn chị N có quan điểm việc anh T xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết đơn phương với anh T theo quy trình của Tòa án.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa anh T và chị N đã kéo dài và trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, do đó yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị N là có cơ sở. Căn cứ vào các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Hoàng Thị N.

[4] Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Hoàng Thị N có hai con chung là Nguyễn Hoàng Bảo U, sinh ngày 25/02/2010, Nguyễn Tiến M, sinh ngày 27/10/2016. Xét thấy, việc nuôi dưỡng con chung là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị N đều có quan điểm thỏa thuận giao hai con chung cho chị N nuôi dưỡng sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp, Tòa án thu thập nguyện vọng con

chung muốn được ở với chị N. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung Nguyễn Hoàng Bảo U và Nguyễn Tiến M cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Anh T và chị N tạm thời không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết, sau này các bên có tranh chấp, Tòa án giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật

[6] Về tài sản chung: Anh T và chị N tạm thời không yêu cầu. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Anh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Anh T và chị N có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 70, 143, 147, khoản 1 Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Hoàng Thị N.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hoàng Bảo U, sinh ngày 25/02/2010, Nguyễn Tiến M, sinh ngày 27/10/2016 cho chị N nuôi dưỡng sau ly hôn. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Anh Nguyễn Văn T và chị Hoàng Thị N tạm thời không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Hoàng Thị N không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí ly hôn anh T đã nộp (biên lai thu tiền số 0004167 ngày 18/5/2022) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Anh Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T và chị Hoàng Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND Thị trấn An Dương (ĐKKH số 10/2010);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hương

